

Bảng 1.6 - CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG TRÊN QUỐC LỘ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ GTVT LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-TCĐBVN ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Tổng cục ĐBVN)

| STT | Tên Q.lộ | Tên cầu | Lý trình | Tỉnh | Chiều dài cầu (m) | Tổng số nhịp | Chiều rộng cầu (m) | Bề rộng xe chạy (m) | Tải trọng thiết kế | Tải trọng thực tế | | | | Ghi chú |
|-----|----------|---------|----------|---------|-------------------|--------------|--------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-----|-----|--------------|-------------------|
| | | | | | | | | | | 11A | 11B | 11C | 11D | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11A | 11B | 11C | 11D | 12 |
| 1 | QL.4Đ | Bản Lầu | 161.250 | Lào Cai | 24,0 | 1 | 8 | 7 | H13- XB60 | (*) | | | H13- XB60 | |
| 2 | QL.279 | Trắng | 152.481 | Lào Cai | 9,0 | 1 | 9,6 | 7 | H13- XB60 | (*) | | | H13- XB60 | Mới sửa chữa xong |

Ghi chú:

1. Các cầu trên quốc lộ phạm vi Sở GTVT Lào Cai quản lý không ghi trong bảng trên là các cầu không cấm biển tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư của Bộ GTVT.
2. Trong tài liệu này không công bố các cầu đang xây dựng.
3. Các chỉ số tại Cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tải trọng Xe thân liền; Số hiệu thứ hai giới hạn tải trọng xe Đầu kéo kéo Rơ mooc; Số hiệu thứ ba giới hạn tải trọng Xe thân liền kéo Rơ mooc.
Ví dụ: Cột 11B có ghi : 23-29-32, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tải trọng nhỏ hơn hoặc bằng 29 Tấn; Xe đầu kéo kéo rơ mooc được lưu thông với tải trọng tối đa 29 Tấn và Xe thân liền kéo rơ mooc được lưu thông với tổng tải trọng tối đa 32 Tấn
4. Chỉ số ghi ở Cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên Biển số 115 "Hạn chế trọng lượng xe" (Biển số theo Quy chuẩn số QCVN 41:2012/BGTVT. Ví dụ ở cột 11C có ghi số "17"- Nghĩa là cầu có cấm biển Hạn chế trọng lượng xe từ 17 T trở lên.
5. Cầu nào mà ở Cột 11A có ghi ký hiệu (*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D